

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27/5/2021

Về việc: *Tranh chấp về hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Cao Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Ngợi

2. Bà Dương Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ma Ngọc Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Đàm Như Hiên - Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Ma Thị T**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

\* Bị đơn: Anh **Ma Bá D**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt* (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ma Thị T trình bày:*

Năm 2016 chị kết hôn với anh Ma Bá D trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau sinh sống tại thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, đến khoảng tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan

điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D sống không có trách nhiệm gì với vợ con. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T xác định, chị và anh D có 01 con chung cháu Ma Công D1, sinh ngày 04/11/2015, hiện nay cháu đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Ma Bá D đến để giải quyết vụ án nhưng anh D đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh D vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bản L, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Ma Đức Nh (bố đẻ của anh D) cho biết, chị T và anh D được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay anh D thường xuyên vắng mặt ở nhà do anh D đi làm công ty ở tỉnh Hưng Yên, anh D không nói rõ địa chỉ cụ thể nên gia đình không rõ địa chỉ, anh D một năm chỉ về nhà vài lần dịp lễ tết hoặc gia đình có việc. Ông có nhận được giấy triệu tập, các văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết nhưng anh D không về giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn Ma Bá D không thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 70, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ma Thị T, cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Ma Bá D.

Về con chung: Giao cháu Ma Công D1, sinh ngày 04/11/2015 cho chị Ma Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ma Bá D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị T thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, nên chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Ma Bá D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Ma Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Ma Bá D và đề nghị giải quyết về việc giao nuôi con chung, nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn anh D đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Bản L, xã H, huyện L vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật đối với anh Ma Bá D, nhưng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo thụ lý được niêm yết anh D không có yêu cầu phản tố gì, cũng không có văn bản gì về việc nêu ý kiến của mình nên Toà án không có căn cứ để xem xét. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D không đến Tòa án để viết tự khai, Tòa án không lấy được lời khai của anh D; Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và tổng đạt hợp lệ cho anh D theo quy định của pháp luật nhưng anh D không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh D cũng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh D không đến nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Toà án cũng triệu tập anh D hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh D theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị T và anh Ma Bá D kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do vậy được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận, đến khoảng tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Xét thấy hôn nhân của chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Sau khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh D

không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ma Thị T đối với anh Ma Bá D.

[3] Về con chung: Chị Ma Thị T và anh Ma Bá D có 01 con chung là cháu Ma Công D1, sinh ngày 04/11/2015, hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Xét nguyện vọng của chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng, xét thấy nguyện vọng đó là phù hợp nên được chấp nhận, giao cháu Ma Công D1 cho chị Ma Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ma Bá D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ma Bá D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ma Thị T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Ma Bá D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 70, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị T được ly hôn anh Ma Bá D.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Công D1, sinh ngày 04/11/2015 cho chị Ma Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ma Bá D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Ma Bá D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2021); bị

đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Hoàng Cao Tiến**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tấn Ngợi - Dương Thị Hà**

**Hoàng Cao Tiến**

